

Phụ lục 13: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
THỰC TRẠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỖI XÃ MỘT SẢN
PHẨM (OCOP) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ TĨNH GIAI ĐOẠN
2021 - 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2021 - 2025

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai thực hiện

Trong giai đoạn 2021-2025, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh được triển khai trong bối cảnh có nhiều thuận lợi đan xen khó khăn, đặc biệt là ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, thiên tai, biến động thị trường tiêu thụ. Tuy nhiên, với sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị, Chương trình OCOP đã đạt được nhiều kết quả tích cực.

UBND tỉnh đã ban hành đầy đủ các văn bản chỉ đạo, kế hoạch triển khai Chương trình OCOP theo từng giai đoạn và từng năm, đảm bảo bám sát các văn bản hướng dẫn của Trung ương, đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh. Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp được kiện toàn, phân công nhiệm vụ rõ ràng cho từng thành viên, từng sở, ngành, địa phương.

Công tác phối hợp giữa các sở, ngành liên quan như nông nghiệp, công thương, khoa học và công nghệ, tài chính, thông tin và truyền thông... ngày càng chặt chẽ, hiệu quả. Vai trò của chính quyền cấp huyện, cấp xã trong việc hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể OCOP được phát huy rõ nét, từng bước nâng cao chất lượng tổ chức thực hiện Chương trình từ cơ sở.

1.2. Kết quả thực hiện

a) Về phát triển sản phẩm OCOP

Trong giai đoạn 2021-2025, Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân. Thực tiễn cho thấy, nhiều cơ sở sau khi tham gia Chương trình OCOP đã có sự thay đổi rõ nét về quy mô sản xuất, chất lượng sản phẩm, mẫu mã bao bì và phương thức tiếp cận thị trường; doanh số bán hàng tăng đáng kể, trong đó có những cơ sở tăng từ 4 -5 lần so với trước.

Đến nay, toàn tỉnh đã có 410 sản phẩm được công nhận OCOP, trong đó 268 sản phẩm còn hiệu lực chứng nhận, gồm 02 sản phẩm đạt 5 sao, 15 sản phẩm đạt 4 sao, 251 sản phẩm đạt 3 sao. Đặc biệt, đã có 07 sản phẩm đã xuất khẩu ra thị trường các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Angola, Mỹ..., gồm: bánh ram Nam Chi, Cu đơ Bà Hường, Bánh đa vùng Nguyên Lâm, Sứa Mai Dung, Nước mắm Luận Nghiệp, nước mắm Phú Sáng, nước mắm Nhất Ninh và một số sản phẩm có tiềm năng xuất khẩu như: nhung hươu Chiến Sơn, nhung hươu Việt Gold, Tôm nõn Hoa Linh Chi, Đông trùng hạ thảo Phú Nhân, Trâm Tâm Thiên Hương... Qua đó khẳng định chất lượng, uy tín và khả năng cạnh tranh của sản phẩm OCOP Hà Tĩnh trên thị trường.

Các sản phẩm OCOP sau khi được công nhận đã từng bước nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì, nhãn mác; nhiều sản phẩm xây dựng được thương hiệu, chỗ đứng trên thị trường. Một số sản phẩm có tiềm năng đã được định hướng nâng hạng sao, mở rộng quy mô sản xuất.

Về loại hình chủ thể tham gia Chương trình OCOP, đến nay toàn tỉnh có 329 chủ thể, trong đó 69 hợp tác xã và 43 doanh nghiệp - lực lượng giữ vai trò nòng cốt, dẫn dắt trong tổ chức sản xuất và phát triển sản phẩm OCOP; còn lại là 31 tổ hợp tác và 186 hộ gia đình. Thực tiễn triển khai cho thấy, hợp tác xã và doanh nghiệp là hạt nhân quan trọng trong chuyển dịch sản xuất từ nhỏ lẻ sang sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả và bền vững của Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

Các sản phẩm OCOP được công nhận đa dạng về chủng loại, thuộc 06 nhóm sản phẩm theo Quyết định số 148/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trong đó nhóm thực phẩm chiếm tỷ trọng chủ yếu. Trong quá trình phát triển sản phẩm, hợp tác xã và doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo trong việc xây dựng và quản lý vùng nguyên liệu ổn định, chuẩn hóa quy trình sản xuất, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng, mẫu mã, bao bì và khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Thông qua vai trò “đầu tàu” của hợp tác xã và doanh nghiệp, nhiều sản phẩm OCOP của tỉnh đã từng bước mở rộng quy mô sản xuất, tham gia hệ thống phân phối hiện đại, sàn thương mại điện tử và thị trường ngoài tỉnh, qua đó nâng cao giá trị gia tăng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng bền vững.

Về hiệu quả kinh tế, các sản phẩm OCOP đã phát huy vai trò quan trọng trong việc nâng cao giá trị sản xuất nông nghiệp, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng gia tăng giá trị và phát triển bền vững. Thực tiễn cho thấy, nhiều chủ thể OCOP sau khi tham gia Chương trình có doanh thu tăng từ 4 đến 5 lần so với trước. Qua đó, Chương trình đã tạo việc làm thường xuyên cho lao động nông thôn, tăng thu nhập cho người dân, cải thiện rõ rệt đời sống kinh tế - xã hội khu vực nông thôn và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn theo hướng ổn định, bền vững.

b) Về ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, chế biến, bảo quản sản phẩm OCOP được các địa phương và chủ thể quan tâm. Nhiều cơ sở đã đầu tư máy móc, thiết bị hiện đại, áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, đảm bảo các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường.

Công tác chuyển đổi số trong OCOP có bước phát triển tích cực. Các sản phẩm OCOP từng bước được áp dụng tem truy xuất nguồn gốc, mã QR, nhãn điện tử; áp dụng camera thông minh để giám sát chất lượng, truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ công đoạn sản xuất ban đầu; tham gia các sàn thương mại điện tử, nền tảng số phục vụ quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm. Một số chủ thể đã chủ động ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sản xuất, bán hàng và kết nối thị trường.

c) Công tác xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm OCOP

Trong nước: Tỉnh đã hỗ trợ các chủ thể OCOP tham gia nhiều hội chợ, triển lãm, sự kiện xúc tiến thương mại trong và ngoài tỉnh; tổ chức các hoạt động kết nối cung cầu, tuần lễ OCOP, đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng nông sản an toàn, điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP.

Ngoài nước: Một số sản phẩm OCOP có tiềm năng xuất khẩu đã được hỗ trợ tiếp cận thị trường nước ngoài thông qua các chương trình xúc tiến thương mại, hội chợ quốc tế, kết nối doanh nghiệp. Tuy nhiên, quy mô xuất khẩu còn hạn chế, chủ yếu ở dạng thử nghiệm.

d) Về thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ

Tỉnh đã ban hành và triển khai nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ OCOP như: hỗ trợ đào tạo, tập huấn; phát triển sản phẩm; ứng dụng khoa học công nghệ; xây dựng tiêu chuẩn, công bố chất lượng sản phẩm; hỗ trợ xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu. Việc lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình, dự án được thực hiện hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP, tiêu biểu là:

Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2022-2025. Theo đó, tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí chuyển giao công nghệ, mua sắm máy móc thiết bị, xây dựng kho, xưởng chế biến - bảo quản cho các sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên; hỗ trợ phát triển sản phẩm và xúc tiến thương mại như xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, tiêu chuẩn cơ sở, công bố chất lượng, mã số mã vạch, câu chuyện sản phẩm...

Nghị quyết số 215/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, với các nội dung như: hỗ trợ xây dựng và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (ISO, HACCP, GMP...); hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hỗ trợ đầu tư thiết bị, hạ tầng phục vụ kiểm soát chất lượng và nâng cao năng suất.

e) Công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát và quản lý nhà nước

Công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP được tổ chức định kỳ, đảm bảo đúng quy trình, khách quan, minh bạch. Hoạt động kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh OCOP được tăng cường, góp phần nâng cao uy tín sản phẩm.

2. Những tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025 vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được nhìn nhận một cách khách quan, toàn diện, cụ thể như sau:

Thứ nhất, quy mô sản xuất của phần lớn các chủ thể OCOP còn nhỏ lẻ, manh mún; năng lực tổ chức sản xuất, quản trị doanh nghiệp, hợp tác xã còn hạn chế, chưa hình thành được nhiều mô hình sản xuất lớn, chuyên nghiệp, có sức cạnh tranh cao.

Thứ hai, chất lượng và tính ổn định của một số sản phẩm OCOP chưa đồng đều; một số sản phẩm sau khi được công nhận chưa tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng, chưa chú trọng cải tiến mẫu mã, bao bì, nhãn mác để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Thứ ba, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị còn hạn chế; việc xây dựng và phát triển vùng nguyên liệu tập trung, ổn định cho sản phẩm OCOP chưa đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong việc mở rộng quy mô sản xuất và đảm bảo tính bền vững lâu dài.

Thứ tư, hoạt động xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ tuy đã được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao; thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP chủ yếu vẫn là thị trường trong tỉnh và khu vực lân cận; số lượng sản phẩm tiếp cận được các kênh phân phối hiện đại còn ít.

Thứ năm, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong chương trình OCOP chưa thực sự đồng đều; một số chủ thể còn lúng túng trong việc áp dụng thương mại điện tử, quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm trên nền tảng số.

Thứ sáu, nguồn lực đầu tư cho Chương trình OCOP, nhất là ở cấp cơ sở, còn hạn chế; việc huy động các nguồn lực xã hội hóa chưa tương xứng với tiềm năng, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển OCOP theo chiều sâu.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

3.1. Nguyên nhân của những kết quả đạt được

- Những kết quả đạt được trong triển khai Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 là nhờ sự quan tâm chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh; sự phối hợp đồng bộ, hiệu quả của các sở, ngành, địa phương và sự chủ động, nỗ lực của các chủ thể tham gia Chương trình.

- Bên cạnh đó, hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ OCOP ngày càng được hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý và điều kiện thuận lợi để các chủ thể đầu tư phát triển sản phẩm. Nhận thức của đội ngũ cán bộ các cấp, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân về Chương trình OCOP không ngừng được nâng cao, từng bước chuyển từ tư duy sản xuất nhỏ lẻ sang tư duy sản xuất hàng hóa, gắn với nhu cầu thị trường và yêu cầu phát triển bền vững

3.2. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân khách quan:

- Tác động bất lợi của thiên tai, dịch bệnh, đặc biệt là ảnh hưởng kéo dài của dịch COVID-19 và diễn biến thời tiết cực đoan.

- Biến động thị trường tiêu thụ, sức mua chưa ổn định; yêu cầu ngày càng cao của thị trường về chất lượng, mẫu mã, bao bì và tiêu chuẩn sản phẩm.

- Giá cả đầu vào tăng cao (nguyên liệu, năng lượng, chi phí vận chuyển...), làm tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các chủ thể OCOP.

Nguyên nhân chủ quan:

- Năng lực nội tại của một số chủ thể OCOP còn hạn chế, nhất là về quy mô sản xuất, quản trị doanh nghiệp, quản lý hợp tác xã và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

- Thiếu nguồn vốn đầu tư, hạn chế trong tiếp cận tín dụng, dẫn đến khó khăn trong mở rộng quy mô, đổi mới công nghệ và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Kinh nghiệm tổ chức sản xuất, liên kết thị trường và xúc tiến thương mại còn yếu, chưa hình thành được nhiều chuỗi giá trị bền vững.

- Công tác tham mưu, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình OCOP ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt, thiếu tính chủ động, chưa theo kịp yêu cầu phát triển OCOP trong giai đoạn mới.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn triển khai Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Thứ nhất, phát triển OCOP phải xuất phát từ nhu cầu của thị trường, lấy thị trường làm định hướng xuyên suốt trong quá trình xây dựng và phát triển sản phẩm; chú trọng nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, khả năng cạnh tranh và tính bền vững của sản phẩm OCOP, thay cho tư duy phát triển theo số lượng.

Thứ hai, cần phát huy vai trò trung tâm của các chủ thể kinh tế, trong đó doanh nghiệp và hợp tác xã giữ vai trò nòng cốt trong tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết vùng nguyên liệu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới quản trị và mở rộng thị trường tiêu thụ; đồng thời tạo sự lan tỏa, dẫn dắt các hộ sản xuất, tổ hợp tác tham gia hiệu quả vào Chương trình OCOP.

Thứ ba, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị là yếu tố quyết định nhằm nâng cao hiệu quả và tính bền vững của Chương trình OCOP; trong đó cần tăng cường liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ, gắn phát triển sản phẩm OCOP với xây dựng vùng nguyên liệu ổn định và phát triển kinh tế hợp tác.

Thứ tư, sự quan tâm chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp, cùng với việc hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, phù hợp thực tiễn và huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội là yếu tố then chốt quyết định sự thành công, hiệu quả và tính bền vững của Chương trình OCOP trong giai đoạn tới.

4. Đánh giá tiềm năng, lợi thế, khả năng phát triển sản phẩm OCOP trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Hà Tĩnh là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng bền vững, gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Trước hết, tỉnh có điều kiện tự nhiên đa dạng, với cả vùng đồng bằng, trung du, miền núi và ven biển, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nhiều loại nông sản, thủy sản, lâm sản và các sản phẩm đặc trưng. Nhiều sản phẩm nông nghiệp truyền thống, đặc sản địa phương đã có uy tín trên thị trường, là nền tảng quan trọng để phát triển các sản phẩm OCOP có giá trị gia tăng cao. Bên cạnh đó, Hà Tĩnh có hệ thống làng nghề truyền thống,

nghề thủ công mỹ nghệ gắn với lịch sử, văn hóa và tập quán sản xuất lâu đời của người dân. Đây là lợi thế quan trọng để phát triển các sản phẩm OCOP thuộc nhóm thủ công mỹ nghệ, vừa tạo sinh kế cho người dân, vừa góp phần bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa bản địa.

Về nguồn nhân lực, lực lượng lao động nông thôn của tỉnh dồi dào, có kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp và ngành nghề truyền thống. Phong trào khởi nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã kiểu mới ngày càng được quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để hình thành các chủ thể OCOP có năng lực tổ chức sản xuất.

Về hạ tầng và thị trường, hệ thống giao thông, logistics, hạ tầng thương mại trên địa bàn tỉnh từng bước được đầu tư, cải thiện; việc kết nối thị trường trong và ngoài tỉnh ngày càng thuận lợi. Đặc biệt, sự phát triển của thương mại điện tử, kinh tế số mở ra nhiều cơ hội mới cho các sản phẩm OCOP trong quảng bá và tiêu thụ.

Ngoài ra, Hà Tĩnh là địa phương có nhiều tiềm năng phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm nông thôn. Việc gắn phát triển sản phẩm OCOP với du lịch sẽ tạo ra chuỗi giá trị tổng hợp, nâng cao hiệu quả kinh tế, góp phần quảng bá hình ảnh sản phẩm và văn hóa địa phương.

Cùng với đó, sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ OCOP ngày càng hoàn thiện; nhận thức của cộng đồng và các chủ thể sản xuất về OCOP không ngừng được nâng cao là những yếu tố quan trọng, tạo động lực để Chương trình OCOP tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong giai đoạn 2026-2030 và các năm tiếp theo.

5. Mục tiêu, định hướng phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2026 - 2030

5.1. Mục tiêu chung

Phát triển sản phẩm OCOP theo Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng chất lượng, đặc trưng, đa giá trị, thân thiện với môi trường, gắn với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, khai thác tiềm năng, lợi thế và giá trị văn hóa địa phương; xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường và phát triển du lịch nông thôn; lấy thị trường làm định hướng, chủ thể sản xuất làm trung tâm và chất lượng sản phẩm làm nền tảng; Tập trung, ưu tiên hỗ trợ cho các chủ thể là các hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp nhỏ và vừa, trang trại và hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh, thúc đẩy khởi nghiệp nông thôn, phát triển kinh tế hợp tác, hình thành các sản phẩm đặc trưng, truyền thống có khả năng cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và hướng tới xuất khẩu.

5.2. Mục tiêu cụ thể và các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030

- Phân đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có khoảng 610 sản phẩm được chứng nhận OCOP, trong đó 555 sản phẩm đạt 3 sao, 50 sản phẩm đạt 4 sao và ít nhất 05 sản phẩm đạt 5 sao.

- Có ít nhất 40% chủ thể OCOP là hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa.
- Có ít nhất 30% chủ thể OCOP xây dựng được chuỗi giá trị theo hướng kinh tế tuần hoàn, OCOP xanh gắn với vùng nguyên liệu ổn định.
- Phân đầu 100% sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên được áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử và tham gia các nền tảng số.
- Phân đầu 100% cán bộ quản lý và các chủ thể tham gia phát triển sản phẩm OCOP được đào tạo, tập huấn, nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và trình độ quản lý kinh doanh.
- Hình thành và phát triển các cụm, nhóm sản phẩm OCOP chủ lực theo ngành hàng, vùng nguyên liệu và lợi thế địa phương.
- Tăng cường gắn kết phát triển sản phẩm OCOP với du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng và phát triển văn hóa địa phương.

5.3. Định hướng phát triển Chương trình OCOP giai đoạn 2026 - 2030

a) Định hướng chung

Tiếp tục phát triển Chương trình OCOP theo hướng chuẩn hóa, nâng cao chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm; tập trung phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm truyền thống và sản phẩm có lợi thế của địa phương gắn với vùng nguyên liệu của địa phương và chuỗi giá trị bền vững. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, quản lý và tiêu thụ sản phẩm; tăng cường liên kết giữa các chủ thể OCOP với doanh nghiệp, hợp tác xã và hệ thống phân phối nhằm mở rộng thị trường. Đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP gắn với bảo tồn giá trị văn hóa, phát triển du lịch nông thôn và nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Định hướng theo nhóm ngành

- Nhóm sản phẩm nông sản, thực phẩm, đồ uống: Tập trung nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, đa dạng hóa sản phẩm chế biến; xây dựng vùng nguyên liệu ổn định, gắn với truy xuất nguồn gốc.
- Nhóm thảo dược: Khai thác hiệu quả tiềm năng cây trồng bản địa, dược liệu; đầu tư công nghệ chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng.
- Nhóm thủ công mỹ nghệ: Gắn phát triển sản phẩm với bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống; đổi mới mẫu mã, đáp ứng thị hiếu thị trường.
- Nhóm dịch vụ du lịch nông thôn: Phát triển các sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm gắn với OCOP; kết nối sản phẩm OCOP với chuỗi dịch vụ du lịch, văn hóa.

c) Định hướng gắn với chuyển đổi số và thị trường

Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm OCOP; tăng cường ứng dụng thương mại điện tử, kinh tế số trong phát triển OCOP.

Mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước, từng bước tiếp cận thị trường ngoài nước đối với các sản phẩm OCOP có tiềm năng; nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng thương hiệu OCOP của tỉnh trên thị trường.

6. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

6.1. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về cơ chế, chính sách

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện và ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh nhằm hỗ trợ phát triển Chương trình OCOP theo hướng bền vững, hiệu quả, lấy chủ thể kinh tế làm trung tâm, lấy thị trường làm định hướng.

Rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về đất đai nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và cơ sở sản xuất tham gia Chương trình OCOP tiếp cận mặt bằng sản xuất, chế biến và kinh doanh. Trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương, ưu tiên bố trí quỹ đất phù hợp để phát triển vùng nguyên liệu, xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản và giới thiệu sản phẩm OCOP; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi trong thủ tục giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định để các chủ thể OCOP đầu tư mở rộng sản xuất, ổn định lâu dài. Khuyến khích hình thành các khu sản xuất, chế biến tập trung gắn với vùng nguyên liệu và làng nghề, bảo đảm yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Đẩy mạnh lồng ghép, tích hợp các cơ chế, chính sách hỗ trợ Chương trình OCOP với các chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và các chương trình khoa học – công nghệ, chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Khuyến khích huy động nguồn lực xã hội, thu hút doanh nghiệp, hợp tác xã và các tổ chức kinh tế đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh tại khu vực nông thôn

6.2. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về khoa học công nghệ và chuyển đổi số

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong phát triển sản phẩm OCOP; hỗ trợ các chủ thể OCOP áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chế biến, bảo quản nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, truy xuất nguồn gốc, quản lý chất lượng, xây dựng hệ thống dữ liệu số về sản phẩm OCOP; hỗ trợ các chủ thể OCOP tham gia các nền tảng thương mại điện tử, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên môi trường số. Đồng thời khuyến khích nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong phát triển sản phẩm mới, cải tiến bao bì, mẫu mã và quy trình sản xuất nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm OCOP trên thị trường. Phấn đấu đến năm 2030, 100% sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên được áp dụng truy xuất nguồn gốc điện tử và tham gia các nền tảng số.

6.3. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển và tổ chức sản xuất sản phẩm OCOP

Rà soát, đánh giá toàn bộ các sản phẩm để xác định những sản phẩm có lợi thế về nguồn nguyên liệu, quy mô sản xuất, giá trị văn hóa và tiềm năng thị trường; trên cơ sở đó tổ chức gom nhóm các sản phẩm có đặc điểm tương đồng về nguyên liệu, vùng sản xuất, ngành hàng hoặc chuỗi chế biến nhằm hình thành các cụm, nhóm sản phẩm chủ lực của địa phương. Đồng thời thúc đẩy liên kết

hoặc thành lập các hiệp hội theo nhóm sản phẩm giữa các chủ thể OCOP như doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và hộ sản xuất để phát triển vùng nguyên liệu, chuẩn hóa chất lượng, xây dựng thương hiệu chung cho nhóm sản phẩm và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, qua đó nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm OCOP trên thị trường.

6.4. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về xúc tiến thương mại và mở rộng thị trường

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá và giới thiệu sản phẩm OCOP; hỗ trợ các chủ thể OCOP tham gia hội chợ, triển lãm, chương trình kết nối cung cầu, sự kiện quảng bá sản phẩm các khối ASIAN, trong và ngoài tỉnh nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Tăng cường liên kết với các hệ thống phân phối, siêu thị, trung tâm thương mại, điểm du lịch để đưa sản phẩm OCOP vào tiêu thụ ổn định; đồng thời phát triển các kênh bán hàng hiện đại, thương mại điện tử và nền tảng số để quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP gắn với du lịch, làng nghề và văn hóa địa phương nhằm nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm. Chủ động nghiên cứu, lựa chọn một số sản phẩm OCOP tiêu biểu để hỗ trợ phát triển thị trường ngoài nước, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, chất lượng, bao bì và truy xuất nguồn gốc.

6.5. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về quản lý chất lượng sản phẩm OCOP và hiệu lực quản lý nhà nước

Tăng cường công tác quản lý chất lượng sản phẩm OCOP gắn với kiểm soát chặt chẽ vùng nguyên liệu; tổ chức rà soát, quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu tập trung, bảo đảm nguồn cung ổn định, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm. Thường xuyên kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm, kịp thời xử lý các trường hợp vi phạm. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác OCOP các cấp, đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước tham mưu và hỗ trợ chủ thể.

6.6. Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tuyên truyền, đào tạo, nâng cao nhận thức

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về mục tiêu, nội dung và ý nghĩa của Chương trình OCOP thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, hội nghị, hội thảo và các hoạt động truyền thông tại địa phương nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân. Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản lý sản xuất, phát triển sản phẩm, xây dựng thương hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và kỹ năng kinh doanh cho các chủ thể OCOP. Đồng thời tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất xây dựng ý tưởng sản phẩm, hoàn thiện hồ sơ, quy trình tham gia Chương trình OCOP, góp phần nâng cao năng lực quản lý, sản xuất và phát triển sản phẩm của các chủ thể.

7. Khái toán nguồn kinh phí giai đoạn 2026 - 2030

Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình OCOP được lồng ghép từ ngân sách tỉnh, ngân sách cấp xã và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: Dự kiến

khoảng 20 tỷ đồng: Chính sách hỗ trợ trực tiếp (Kế thừa và phát triển Nghị quyết 51), dự kiến xây dựng nghị quyết mới cho giai đoạn 2026-2030 với các mức hỗ trợ điều chỉnh phù hợp thực tế hơn: Hỗ trợ phát triển sản phẩm bằng hình thức thưởng theo kết quả đầu ra: Dự kiến sản phẩm đạt hạng 3 sao: thưởng 100 triệu đồng/sản phẩm đối với sản phẩm thứ nhất của cơ sở; từ sản phẩm thứ 2 trở đi, thưởng bằng 50% mức thưởng của sản phẩm thứ nhất (50 triệu đồng/sản phẩm); Sản phẩm đạt hạng 4 sao: thưởng 150 triệu đồng/sản phẩm; Sản phẩm đạt hạng 5 sao: thưởng 300 triệu đồng/sản phẩm. Đối với sản phẩm nâng hạng: thưởng bằng mức chênh lệch giữ mức thưởng đạt sao tương ứng theo quy định trừ mức thưởng đạt sao đã được hưởng trước đó.

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai kế hoạch Chương trình OCOP giai đoạn 2026-2030; chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc các xã, phường xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn theo chu trình OCOP hàng năm; hướng dẫn và thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp tỉnh; theo dõi, quản lý chất lượng sản phẩm OCOP sau khi được công nhận.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổ chức thực hiện Chương trình để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan rà soát, đề xuất các cơ chế chính sách; triển khai, thực hiện các cơ sở chính sách thuộc Chương trình; tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá công tác tổ chức thực hiện Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, các Bộ, ngành Trung ương theo định kỳ hàng quý, 6 tháng, cả năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra, giám sát chất lượng, quy trình sản xuất, chế biến gắn với truy xuất nguồn gốc, đảm bảo an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường đối với sản phẩm OCOP, lấy mẫu kiểm nghiệm độc lập các sản phẩm tham gia OCOP; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định của pháp luật; đề xuất, kiến nghị Ủy ban Nhân dân, tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường (đối với sản phẩm 5 sao) thu hồi Quyết định công nhận sản phẩm OCOP nếu cơ sở cố tình vi phạm, không đáp ứng các quy định đối với sản phẩm OCOP.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết cả giai đoạn để đánh giá tình hình triển khai Chương trình và thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8.2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh

- Phối hợp với cùng Sở Nông nghiệp và Môi trường triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức; tổ chức đào tạo, tập huấn, học tập, trao đổi kinh nghiệm nâng cao năng lực cho cán bộ phụ trách nhiệm vụ phát triển sản phẩm OCOP các cấp và các chủ thể OCOP; các hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu sản phẩm OCOP.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG, UBND tỉnh theo định kỳ hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu. .

8.3. Sở Tài chính

- Chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, cân đối nguồn ngân sách địa phương; lồng ghép các nguồn vốn đầu tư công và các chương trình, dự án khác (nếu có) để thực hiện Chương trình OCOP theo quy định.

- Hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ OCOP; bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng và hiệu quả.

- Phối hợp huy động các nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, phát triển sản phẩm OCOP.

8.4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách.

- Chủ trì hỗ trợ ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong sản xuất, chế biến, quản lý và tiêu thụ sản phẩm OCOP.

- Hướng dẫn các địa phương, các cơ sở tham gia Chương trình OCOP phát triển các sản phẩm OCOP gắn với việc phát huy lợi thế của các sản phẩm đã được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ dưới dạng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể; hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình OCOP thực hiện công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý; xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến; đăng ký, sử dụng mã số, mã vạch; xây dựng hệ thống và sử dụng tem truy xuất nguồn gốc đảm bảo kết nối với Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh, quốc gia; ghi nhãn sản phẩm, hàng hóa đúng quy định.

- Tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện hỗ trợ đăng ký, xác lập quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm làng nghề truyền thống, sản phẩm có lợi thế của địa phương, góp phần hình thành các sản phẩm OCOP có thương hiệu, quy mô sản xuất kinh doanh lớn.

- Phối hợp đẩy mạnh tuyên truyền, quảng bá Chương trình OCOP trên các nền tảng số và phương tiện thông tin đại chúng.

8.5. Sở Công thương

- Chỉ đạo, hướng dẫn và thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản phẩm OCOP thuộc lĩnh vực, ngành mình phụ trách.

- Chủ trì triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu; hỗ trợ mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh.

- Tổ chức tập huấn, phổ biến kiến thức về thương mại điện tử cho doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP. Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể OCOP tham gia hệ thống phân phối hiện đại, sàn thương mại điện tử, hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế.

- Tăng cường quản lý các điểm giới thiệu, quảng bá và bán sản phẩm OCOP đảm bảo quy định.

8.6. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Phối hợp phát triển các sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch trải nghiệm.

- Lồng ghép quảng bá sản phẩm OCOP trong các hoạt động, sự kiện văn hóa, thể thao và du lịch của tỉnh, góp phần nâng cao nhận diện thương hiệu OCOP.

8.7. Sở Y tế

- Hướng dẫn áp dụng chỉ tiêu chất lượng đối với các sản phẩm, hàng hóa không có Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn cơ sở tương ứng; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có sản phẩm OCOP được đánh giá phân hạng từ 3 sao trở lên xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc và thu hồi sản phẩm không đảm bảo an toàn thực phẩm theo hướng dẫn của Bộ Y tế; xây dựng quy trình sản xuất gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường các sản phẩm thuộc ngành quản lý

8.8. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

- Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia phát triển sản phẩm OCOP; quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP, lan tỏa phong trào.

- Hỗ trợ khởi nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với Chương trình OCOP.

8.9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Chủ động tuyên truyền cho các tổ chức kinh tế, người dân về ý nghĩa, các chính sách hỗ trợ của Chương trình OCOP, tích cực hỗ trợ, tư vấn cho các tổ chức kinh tế chuẩn bị hồ sơ, tài liệu tham gia Chương trình OCOP; rà soát, lựa chọn sản phẩm tiềm năng trên địa bàn để định hướng phát triển OCOP.

- Xây dựng kế hoạch triển khai Chương trình OCOP hàng năm; bố trí nguồn lực, lồng ghép các chương trình, dự án để hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể đăng ký và hoàn thiện hồ sơ, thủ tục tham gia Chương trình OCOP hàng năm theo quy định; tổ chức đánh giá một số số nội

dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP theo quy định; thường xuyên theo dõi, giám sát quá trình sản xuất, kinh doanh sản phẩm OCOP trên địa bàn.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá sản phẩm OCOP của địa phương.
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện Chương trình OCOP theo quy định.

8.10. Các chủ thể OCOP

- Chủ động đầu tư, nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh, bảo đảm chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường và tuân thủ đầy đủ các quy định của Chương trình OCOP.

- Duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm OCOP sau khi được công nhận; chủ động cải tiến mẫu mã, bao bì, nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

- Tích cực tham gia các hoạt động đào tạo, tập huấn, xúc tiến thương mại và chuyển đổi số; mở rộng thị trường tiêu thụ, nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn trong quá trình triển khai Chương trình OCOP; chịu trách nhiệm về hiệu quả và tính bền vững của sản phẩm OCOP./.

**CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC PTNT VÀ QLCL**

Trần Mạnh Cường